

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 106/2026/DS - ST
Ngày: 30 - 03 - 2026
“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Ích

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi

2. Ông Lưu Văn Đề

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Hiền - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Vũ Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2025/TLST - TCDS ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2026/QĐXXST-TCDS ngày 18 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2026/QĐST-TCDS ngày 03 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2026/QĐST-TCDS ngày 03 tháng 03 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1990; Địa chỉ: Xóm Đ, xã N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Bùi Ngọc C, sinh năm 1986; Địa chỉ: Xóm G, phường Y, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn G, xã Q, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa vắng mặt chị N, anh B và đại diện theo ủy quyền của anh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn anh Trần Văn B, người đại diện theo ủy quyền của anh B vắng mặt nhưng lời khai của anh B và đại diện theo ủy quyền của anh B tại các buổi làm việc với Tòa án thể hiện: Anh Trần Văn B và

chị Nguyễn Thị N không có quan hệ họ hàng gì với nhau mà chỉ quan hệ xã hội với nhau. Vào ngày 10/01/2025 anh B có cho chị N vay số tiền 580.000.000 đồng (*Năm trăm tám mươi triệu đồng*). Khi vay hai bên có làm giấy vay tiền với nội dung “Giấy mượn tiền tên tôi là Nguyễn Thị N sn 1973 số cm 036173007149 cấp ngày 1 - 5 - 2021 do cục C1 cấp Đ/c N - N - Nam Định hôm nay ngày 10 - 1 - 2025 (2025) tôi Nguyễn Thị N có vay của anh Trần Văn B sinh năm 1990. Cc công dân 03609000179 Đc xã N - huyện N tỉnh Nam Định số tiền 580.000.000 đồng năm trăm tám mươi triệu đồng chẵn để sử dụng và mục đích làm ăn hạn 30 ngày tức là 9 - 2 - 2025 dương lịch tôi sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền 580.000.000 đồng (*Năm trăm tám mươi triệu đồng chẵn*) Cho anh Trần Văn B với lãi suất 2 bên tự thỏa thuận nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Người vay tiền Nghĩa B1 10 - 01 - 2025 Nga Nguyễn Thị N”. Hai bên thỏa thuận lãi suất theo quy định của pháp luật. Trong thời gian mượn tiền chị N đã trả cho anh B số tiền là 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*). Đến hạn anh B yêu cầu trả nhưng chị N không trả. Nay anh B yêu cầu tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị N trả lại cho anh số tiền gốc mà chị N đã vay, số tiền 4.000.000 đồng chị N đã trả anh xác định là chị N trả lãi vì vậy không yêu cầu chị N phải trả lãi như đơn khởi kiện. Anh B xác định việc chị N vay tiền của anh là việc riêng của anh và chị N không liên quan đến chồng chị N và vợ anh.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt nhưng lời khai của chị tại các buổi làm việc với Tòa án thể hiện: Chị không có quan hệ họ hàng gì với anh Trần Văn B. Trước đây chị có vay của ông Lê Văn T số tiền 580.000.000 đồng. Sau đó chị và ông T vẫn đang đi thu nợ về để cùng chị trả số tiền đó. Sau đó ông T gọi cho chị để đàm phán về việc trên. Đi được nửa đường anh T nói với chị là có một đứa cháu chuyên đòi nợ thuê rất tốt là anh B. Và anh T đã gán nợ số tiền 580.000.000 cho anh B và chị không đồng ý nên đã ra báo công an xã. Sau đó khi về đến nhà thì mọi người đã giải tán. Đến sáng 10/01/2025 anh B hẹn gặp chị sang H để đòi nợ cho anh T và chị. Khi đến nơi nhà họ khóa cửa và anh B nói với chị ra Công A xã H để làm việc về việc đòi nợ. Khi đến nhà thì vợ chồng ông T đã ở nhà chị. Tại đó anh T đòi nợ chị và chị đã xin khất nhưng ông T gọi anh B xuống và anh B nói trong 10 ngày anh sẽ đòi được tiền cho chị để cho anh T nhưng ông T không nghe nên chị đã vay của B số tiền 580.000.000 đồng để trả cho ông T sau khi B đưa tiền chị đã viết và ký vào giấy vay tiền, từ khi nhận tiền đến nay chị đã thanh toán cho anh B 4.000.000 đồng tiền lãi. Nay anh B khởi kiện yêu cầu chị phải trả số tiền gốc là 580.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi chị cũng nhất trí nhưng do chị chưa đòi được tiền của người khác vì vậy chị đề nghị anh B cho chị trả dần. Việc vay

nợ là việc riêng giữa chị và B không liên quan gì đến chồng chị cũng như vợ anh B.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án, việc thu thập chứng cứ đến khi xét xử tại phiên tòa.

Về nội dung: Áp dụng Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn B: Buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm thanh toán cho anh B số tiền nợ gốc là 580.000.000 đồng.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn B về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị N thanh toán các khoản lãi đối với số nợ gốc 580.000.000 đồng.

- Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Chị Nguyễn Thị N đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: xã Q, tỉnh Ninh Bình. Nay anh Trần Văn B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị N và Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về sự có mặt vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, vắng mặt anh B, ông C và chị N. Anh B và đại diện theo ủy quyền của anh có đơn xin xét xử vắng mặt, chị N vắng mặt nhưng là lần vắng mặt thứ hai vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ cũng như lời trình bày của nguyên đơn anh Trần Văn B, bị đơn chị Nguyễn Thị N trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay xác định: Do quen biết chị Nguyễn Thị N vay của anh Trần Văn B số tiền 580.000.000 (năm trăm tám mươi triệu) đồng hai bên có viết giấy biên nhận với nhau thỏa thuận 01 tháng

sau sẽ trả nợ, còn lãi suất thoả thuận là theo quy định của pháp luật và chị N đã trả được 4.000.000 đồng. Đã hết thời hạn trả nợ, anh B đòi nhiều lần nhưng chị N không trả, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” có kỳ hạn theo quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự. Hai bên xác lập giao dịch dân sự từ năm 2025 nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn B và chị Nguyễn Thị N đều thống nhất trên cơ sở là quan hệ quen biết nên chị N có vay của anh B số tiền 580.000.000 đồng mục đích để làm ăn đây là khoản vay riêng giữa anh B và chị N không liên quan đến vợ anh B cũng như chồng chị N. Khi vay hai bên đã viết giấy mượn tiền đề ngày 10/01/2025 với nội dung chị Nguyễn Thị N vay của anh Trần Văn B số tiền 580.000.000 (năm trăm tám mươi triệu) đồng hai bên có viết giấy biên nhận với nhau thoả thuận 01 tháng sau sẽ trả nợ, còn lãi suất thoả thuận là theo quy định của pháp luật và chị N đã trả được 4.000.000 đồng. Đã hết thời hạn trả nợ, anh B đòi nhiều lần nhưng chị N không trả. Số tiền 4.000.000 đồng chị N trả cho anh B theo anh B xác định đó là tiền lãi vì vậy anh yêu cầu tòa án buộc chị N phải trả cho anh số tiền gốc là 580.000.000 đồng chị N không có ý kiến gì.

Xét yêu cầu của anh B buộc chị N trả lại cho anh số tiền gốc là: 580.000.000 đồng mà chị N vay, chị N xác nhận còn nợ anh B số tiền trên, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn, chưa đòi được người đã vay mình để trả cho anh B thấy yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn B là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Đối với lãi suất của khoản vay: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh B không yêu cầu chị N trả lãi. Vì vậy HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí.

Bị đơn chị Nguyễn Thị N phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Chị N có đơn xin miễn giảm nộp tiền án phí do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bản thân thường xuyên bị đau ốm được chính quyền xác nhận nên Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần án phí cho chị N.

[6] Xét quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6, Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn B: Buộc chị Nguyễn Thị N phải trả cho anh Trần Văn B số tiền 580.000.000 đồng (năm trăm tám mươi triệu đồng).

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh Trần Văn B có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Nguyễn Thị N chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị N phải nộp 14.500.000 đồng (mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho anh Trần Văn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) theo Biên lai số: 0001138 ngày 02 tháng 10 năm 2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 - Ninh Bình.

3. Quyền kháng cáo: Báo cho người có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND Khu vực 11;
- Phòng THADS Khu vực 11;
- Các đương sự;
- UBND xã Quỹ Nhất;
- Lưu văn phòng; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Trọng Ích

